***Ngày soạn: 15/09/2024***

***Tiết 7,8***

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ CHỮ NÔM VÀ CHỮ QUỐC NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực cốt lõi**

- Có một số hiểu biết ban đầu chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

- Vận dụng vào thực tế cho phù hợp.

**b. Năng lực chung**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập

**2. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

 **1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/ Tivi.

 **2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, Ngữ liệu bài học…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG/ MỞ ĐẦU**

**1. Mục tiêu:** Kiểm tra bài cũ, khơi gợi tri thức nền, tạo hứng thú học tập để học sinh sẵn sàng tâm thế bước vào giờ học.

**2. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV phát phiếu học tập, giao nhiệm vụ học tập

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (2 phút)**

* HS thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập 1.

**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
* GV cho các HS khác nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh.

**\*Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**Dự kiến câu trả lời:**

| **Trong các tác phẩm sau, tác phẩm nào viết bằng chữ Hán, tác phẩm nào viết bằng chữ Nôm, tác phẩm nào viết bằng chữ Quốc ngữ?***Sông núi nước Nam* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu), *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh), *Nhật kí trong tù* (Hồ Chí Minh), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao), *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài). |
| --- |
| **Chữ Hán** | **Chữ Nôm** | **Chữ Quốc ngữ** |
| *Sông núi nước Nam* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Nhật kí trong tù* (Hồ Chí Minh). | *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu) | *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao), *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài) |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Mục tiêu:**

- Học sinh biết dựa vào phần tri kiến ngữ văn của Bài 1 để có một số hiểu biết ban đầu chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

- Thông qua các bài tập cụ thể để xác định được đặc điểm: ưu điểm, hạn chế, đóng góp của các loại chữ viết này.

**2. Tổ chức thực hiện**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* NV: Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - Hình thức: HS làm việc nhóm.-GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức ngữ văn và hoàn thiện phiếu học tập số 2:

| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** |
| --- |
| **Chữ** | **Bối cảnh, xuất xứ** | **Đặc điểm** | **Thành tựu** |
| Nôm |  |  |  |
| Quốc ngữ |  |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc Kiến thức Ngữ văn, tổng hơp và hoàn thành phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đại diện một nhóm trình bày kết quả.- Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **I. Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ:****3. Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.****a. Chữ Nôm.**- Bối cảnh lịch sử, nguồn gốc ra đời của chữ Nôm: Trong suốt 1000 năm phong kiến phương Bắc đô hộ, Việt Nam phải dùng chữ Hán làm chữ viết chính thống. Trong hoàn cảnh ấy, người Việt đã liên tục đấu tranh để giành độc lập về chủ quyền, chính trị và văn hoá. Chữ Nôm ra đời trong bối cảnh ấy. Chữ Nôm hình thành từ khoảng TK XVIII đến TK IX, hoàn thiện vào cuối TK X đến TK XII.- Đặc điểm:+ Về cách cấu tạo: chữ Nôm gồm một số chữ mượn y nguyên chữ Hán nhưng phần lớn là những chữ do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán.+ Chữ Nôm còn nhiều hạn chế, hạn chế lớn nhất là khó học vì phải biết chữ Hán mới học được.- Thành tựu:+ Chữ Nôm được coi là một thành tựu quan trọng về ngôn ngữ - văn hoá, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc.+ Được dùng làm công cụ ghi lại những tác phẩm nổi tiếng của văn học cổ Việt Nam như Quốc âm thi tập (Nguyễn Trãi), Truyện Kiều (Nguyễn Du), thơ Hồ Xuân Hương, ... Có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng, phát triển nền văn học dân tộc.**b. Chữ Quốc ngữ:**- Bối cảnh lịch sử, nguồn gốc ra đời của chữ Quốc ngữ: Là chữ ghi âm của tiếng Việt dựa trên hệ chữ cái La tinh, do các nhà truyền giáo với sự hỗ trợ của nhiều người Việt Nam chế tác từ TK XVII. Sau đó được tu chỉnh, phát triển và hoàn thiện như ngày nay.- Đặc điểm:+ Hạn chế: Dùng nhiều chữ cái khác nhau để biểu thị một âm, ví dụ âm “k” được biểu thị bằng “c, k, q”; dùng một chữ cái để biểu thị nhiều âm khác nhau, ví dụ chữ “a” vừa ghi âm “a”, vừa ghi âm “ă” (cau, tay, ...); dùng nhiều dấu phụ như “ă, â, ô,...”; ghép nhiều chữ cái để biểu thị một âm như “ch, tr,ng, ...”.+ Ưu điểm: đơn giản, dễ học.- Thành tựu:+ Góp phần quan trọng trong xoá nạn mù chữ cho đồng bào ta sau CMT8.1945.+ Được chọn là chữ viết chính thống của dân tộc Việt Nam từ sau CMT8.1945 đến nay. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

**2 Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* NV 1: Thực hành bài tập về chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.****Hình thức: Thảo luận theo nhóm bàn****\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*****Giáo viên chiếu bài tập***GV chiếu bài tập 2 SGK trang 21.Tìm cách diễn đạt phù hợp ở bên B và giải thích vì sao cách diễn đạt đó phù hợp với mỗi loại tác phẩm nêu bên A.

| **A. Tác phẩm** | **B. Được dịch hay phiên âm** |
| --- | --- |
| a. Tác phẩm viết bằng chữ Hán | 1) Được phiên âm ra chữ quốc ngữ |
| b. Tác phẩm viết bằng chữ Nôm | 2) Được dịch sang tiếng Việt |
| 3) Được dịch ra chữ Quốc ngữ |

- Yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm bàn.**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS đọc yêu cầu, thảo luận nhóm bàn trong vòng 3-4 phútGV quan sát, hỗ trợ**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận- GV yêu cầu các nhóm khác bổ sung, góp ý**\*Bước 4: Đánh giá, kết luận**- GV chiếu đáp án- HS tự đánh giá bản thân và nhóm bạn.GV chuẩn xác đáp án, HS tự đánh giá và bổ sung vào bài làm.GV khẳng định:**\* NV 2: Thực hành bài tập tìm hiểu về những hạn chế của chữ Quốc ngữ: Bài tập 3, trang 21****Hình thức: tổ chức trò chơi “Tiếp sức đồng đội”****\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV phổ biến luật chơi **“Tiếp sức đồng đội”**:- Chia lớp thành 3 đội, các thành viên sẽ tiếp nối nhau ghi lên bảng các câu trả lời của từng yêu cầu câu hỏi.- Tổng có 3 lượt chơi tương ứng với ba yêu cầu khác nhau. - Ở mỗi lượt chơi, trong vòng 2 phút, đội nào ghi được nhiều kết quả đúng sẽ là đội giành chiến thắng.- Sau ba lượt chơi, đội nào có tổng điểm cao nhất sẽ giành chiến thắng chung.**\*Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Các đội tiến hành chơi theo sự điều hành, quan sát, của GV. Cụ thể:- Lượt chơi thứ nhất: Trong chữ Quốc ngữ trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi cùng một âm. Ví dụ, ghi âm /k/ bằng các chữ c, k, q.....- Lượt chơi thứ hai: Trong chữ Quốc ngữ trường hợp dùng một chữ cái để ghi nhiều âm khác nhau. Ví dụ, dùng chữ a vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ă/....- Lượt chơi thứ ba: Trong chữ Quốc ngữ trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm. Ví dụ: ch, ng, kh…**\*Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV cùng HS kiểm tra kết quả các đội chơi sau từng lượt chơi.**\*Bước 4. Đánh giá kết quả** Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm các đội chơi. Tổng kết và khen thưởng đội chiến thắng chung cuộc. | 1. **Bài tập 2, trang 21:**

- **a phù hợp với 1, 2 vì**:+ Chữ Hán là chữ vay mượn hoàn toàn của tiếng Hán- Trung Quốc cả về mặt âm đọc và chữ viết.+ Nếu tác phẩm viết bằng chữ Hán, cần phải phiên âm sang chữ Quốc ngữ để đọc, từ đó dịch nghĩa sang tiếng Việt để hiểu bài thơ. **- b phù hợp với 3 vì:**+ Chữ Nôm là chữ ghi lại âm tiếng Việt, nên không cần dịch sang tiếng Việt. + Chữ Nôm là bộ chữ dựa trên nguyên tắc cấu tạo của bộ chữ Hán, nên cần được chuyển sang chữ quốc ngữ để hiểu.**2. Bài tập 3, trang 21:** Hãy tìm thêm một số ví dụ về các trường hợp sau trong chữ Quốc ngữ:a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi cùng một âm. Ví dụ, ghi âm /k/ bằng các chữ c, k, q.....:- Âm /c/ ghi âm bằng c, k, c- Âm /q/ ghi âm bằng q, k, c- Âm /z/ ghi âm bằng các chữ r, d.b) Trường hợp dùng một chữ cái để ghi nhiều âm khác nhau. Ví dụ, dùng chữ a vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ă/....:- Âm /â/ vừa để ghi âm /â/ vừa để ghi âm /ơ/. (luôn/luân)- Âm /ua/ vừa để ghi âm /ua/ vừa để ghi âm /uơ/. (thủa/thuở)- Âm /i/ vừa để ghi âm /i/ vừa để ghi âm /y/. (Thi/thy).c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm. Ví dụ: ch, ng, kh…:- Chữ ghép đôi (10 chữ): ch, gh, gi, kh, ng, nh, ph, qu, th, tr- Chữ ghép 3: ngh. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

**2. Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* NV3: Thực hành bài tập về những ưu điểm của chữ Quốc ngữ.****Hình thức: Làm việc cá nhân.****\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 4/trang 21.Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) trình bày suy nghĩ của em về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài.Cụ thể:- Thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ- Thuận lợi khi sử dụng chữ Quốc ngữ để viết tên riêng nước ngoài, viết các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài.**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiẹn yêu cầu.**\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi đại diện HS lên trình bày.- Các HS khác HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần). **\*Bước 4: Đánh giá, kết luận**GV nhận xét, bổ sung.**Lưu ý**: Nếu không còn thời gian thì GV giao cho HS về nhà hoàn chỉnh sau. Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS. |  **3. Bài tập 4, trang 21:****- Hình thức: đoạn văn khoảng 6- 8 dòng.****- Nội dung:**+ Chữ Quốc ngữ là tên gọi loại chữ dùng mẫu tự La Tinh, ghép lại để ghi âm tiếng Việt. Chữ Quốc ngữ có 29 âm và 5 thanh điệu (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng), quy tắc ghép vần.+ Thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ: dễ học, dễ viết. Người học chỉ cần ghi nhớ bảng chữ cái, quy tắc ghép vần, đánh vần là có thể đọc thông viết thạo.Ví dụ: Học sinh học chữ Quốc ngữ, chỉ học xong lớp 1 có thể đọc thông, viết thạo; trong khi học tiếng Anh, có thể phải học nhiều năm cũng chưa thể sử dụng thành thạo.+ Thuận lợi khi sử dụng chữ Quốc ngữ để viết tên riêng nước ngoài, viết các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài: Bộ chữ cái La tinh được nhiều ngôn ngữ thế giới sử dụng, trong đó có cả tiếng Anh- ngôn ngữ quốc tế. Do vậy, chữ Quốc ngữ rất dễ dàng trong việc viết tên riêng nước ngoài, viết các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài. (So sánh với chữ Hán, chữ Nôm là loại chữ tượng hình, khác hoàn toàn với tiếng Anh). |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Đoạn văn viết đã nêu được những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài hay chưa?

Nếu chưa, hãy khắc phục.

**Hướng dẫn học tập:**

+ Hoàn thành các bài tập

+ Chuẩn bị bài thực hành đọc hiểu văn bản: “*Phò giá về kinh” (Trần Quang Khải)*

**PHỤ LỤC ĐỌC VĂN BẢN 3**

**Phiếu học tập số 01**

| **Trong các tác phẩm sau, tác phẩm nào viết bằng chữ Hán, tác phẩm nào viết bằng chữ Nôm, tác phẩm nào viết bằng chữ Quốc ngữ?***Sông núi nước Nam* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu), *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh), *Nhật kí trong tù* (Hồ Chí Minh), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao), *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài). |
| --- |
| **Chữ Hán** | **Chữ Nôm** | **Chữ Quốc ngữ** |
| …………………………….…………………………….……………………………. | …………………………….…………………………….……………………………. | …………………………….…………………………….……………………………. |

**Phiếu học tập số 02**

| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** |
| --- |
| **Chữ** | **Bối cảnh, xuất xứ** | **Đặc điểm** | **Thành tựu** |
| **Nôm** | .................................................................................................................. | .................................................................................................................. | .................................................................................................................. |
| **Quốc ngữ** | .................................................................................................................. | .................................................................................................................. | .................................................................................................................. |